

THE BODY AND THE FACE - MOVER & FLYER

1	knee	/niː/	(n)	A1	đầu gối
2	toe	/təʊ/	(n)	A1	ngón chân
3	neck	/nek/	(n)	A1	cổ
4	back	/bæk/	(n)	A1	lưng
5	tooth	/tuːθ/	(n)	A1	răng (số ít)
6	teeth	/tiːθ/	(n)	A1	răng (số nhiều)
7	beard	/bɪəd/	(n)	A2	râu quai nón
8	moustache	/'mʌs.tæʃ/	(n)	B1	ria mép
9	shoulder	/'ʃəʊl.də/	(n)	A1	vai
10	stomach	/'stʌm.ək/	(n)	A1	bụng, dạ dày
11	elbow	/'el.bəʊ/	(n)	A2	khủy tay
12	finger	/'fɪŋ.gə/	(n)	A1	ngón tay
13	chin	/tʃɪn/	(n)	A2	cằm
14	chest	/tʃest/	(n)	A2	ngực
15	tongue	/tʌŋ/	(n)	A2	lưỡi
16	blond(e)	/blaɪnd/	(adj)	A2	tóc vàng
17	curly	/'kɜː.li/	(adj)	A2	xoăn
18	fair	/fer/	(adj)	A2	sáng (da, tóc)
19	fat	/fæt/	(adj)	A1	béo
20	thin	/θɪn/	(adj)	A1	gầy



